

Bài báo nghiên cứu

**CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP KỸ NĂNG VIẾT TIẾNG TRUNG QUỐC
CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM – TRƯỜNG HỢP TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGOẠI NGỮ - TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Luu Hón Vũ

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Luru Hón Vũ – Email: luuhonvu@gmail.com

Ngày nhận bài: 22-3-2023; ngày nhận bài sửa: 27-3-2023; ngày duyệt đăng: 24-5-2023

TÓM TẮT

Bài viết dựa trên cơ sở quan điểm của O'Malley và Chamot (1990) về chiến lược học tập, sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, nghiên cứu chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của sinh viên (SV) Việt Nam. Kết quả khảo sát 219 SV tại Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy SV có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết ở mức độ cao, tần suất sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức, nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm đều ở mức độ cao. Giữa SV nam và SV nữ chỉ tồn tại sự khác biệt trong việc sử dụng các chiến lược thực tiễn viết. Giữa SV miền Trung và SV miền Nam không tồn tại sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết. Kết quả học tập kỹ năng viết có liên quan đến việc sử dụng các chiến lược xây dựng kế hoạch, tự giám sát, chú ý lựa chọn trong nhóm chiến lược siêu nhận thức, các chiến lược tiếp nhận ngôn ngữ, mạo hiểm, luyện tập, mô phỏng trong nhóm chiến lược nhận thức, các chiến lược cảm xúc, hợp tác với người khác, đặt câu hỏi trong nhóm chiến lược xã hội - tình cảm.

Từ khóa: tiếng Trung Quốc; chiến lược học tập; sinh viên Việt Nam; kỹ năng viết

1. Mở đầu

Kỹ năng viết tiếng Trung Quốc là một phần quan trọng cấu thành năng lực tiếng Trung Quốc, là kỹ năng thể hiện năng lực tổng hợp mà người học tiếng Trung Quốc cần phải nắm được, ngày càng được người dạy và người học xem trọng. Tuy nhiên, đối với đại đa số SV ngành Ngôn ngữ Trung Quốc, kỹ năng viết tiếng Trung Quốc vẫn còn là một điểm yếu cần được cải thiện. Việc nâng cao kỹ năng viết tiếng Trung Quốc có liên hệ mật thiết với việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng này. Chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc là các phương pháp, kỹ thuật mà người học tiếng Trung Quốc thực sự sử dụng trong quá trình học tập kỹ năng viết, bao gồm thời gian học tập kỹ năng viết trong và ngoài lớp của bản thân.

Cite this article as: Luu Hon Vu (2023). A study on Chinese writing learning strategies of Vietnamese students: A case study of Ho Chi Minh City University of Foreign Languages and Information Technology. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 20(8), 1393-1404.

Chiến lược học tập kỹ năng viết khác với chiến lược viết. Theo Petric và Czarl (2003), chiến lược viết là những hành vi hoặc động tác được người viết sử dụng một cách có ý thức nhằm nâng cao hiệu quả của việc viết, quá trình viết được chia làm ba giai đoạn là trước khi viết (prewriting), trong khi viết (while-writing) và khi chỉnh sửa (revising). Qua đó cho thấy chiến lược viết hướng đến một quá trình viết cụ thể, với mục đích là hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ viết, còn chiến lược học tập kỹ năng viết hướng đến việc học tập, mục đích nâng cao kỹ năng viết của người học.

Các nghiên cứu hiện nay đa số đều quan tâm đến chiến lược viết. Các nghiên cứu này đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phân tích chiến lược viết trong các giai đoạn trước khi viết, trong khi viết và sau khi viết. Yin và Yan (2011) phân tích chiến lược viết của lưu học sinh các nước Trung Á tại Trung Quốc, có trình độ tiếng Trung Quốc trung cấp, phát hiện SV thường sử dụng chiến lược trong khi viết, rất ít sử dụng chiến lược trong giai đoạn chỉnh sửa. Wu (2012) phát hiện tồn tại mối tương quan thuận giữa việc sử dụng chiến lược viết của lưu học sinh dự bị tại Trung Quốc và trình độ HSK 4, song tồn tại mối tương quan nghịch giữa việc sử dụng chiến lược viết và trình độ HSK 5. Feng (2020) phân tích việc sử dụng chiến lược trong các giai đoạn của lưu học sinh Thái Lan có trình độ tiếng Trung Quốc trung cấp.

Nghiên cứu về chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc hiện nay rất ít. Trên cơ sở dữ liệu CNKI của Trung Quốc (www.cnki.net), tác giả chỉ tìm thấy luận văn thạc sĩ của Ding (2018) đề cập vấn đề này. Ding phát hiện lưu học sinh tại Trung Quốc trong quá trình học tập kỹ năng viết thường sử dụng các chiến lược công cụ, ít sử dụng các chiến lược tiếng mẹ đẻ và các chiến lược hợp tác; tồn tại sự khác biệt trên phương diện giới tính trong việc sử dụng một số chiến lược; không tồn tại mối tương quan giữa việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết và trình độ tiếng Trung Quốc của người học.

Tại Việt Nam hiện nay, chiến lược học tập tiếng Trung Quốc được thể hiện trong một số nghiên cứu, như Luu (2019a, 2019b, 2020). Song, vẫn chưa có nghiên cứu nào đề cập chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc. Vì vậy, việc khảo sát, phân tích chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV Việt Nam là vấn đề cần được quan tâm.

Bài viết này tìm kiếm câu trả lời cho bốn câu hỏi sau: Thứ nhất, tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV Việt Nam như thế nào? Thứ hai, có tồn tại sự khác biệt trên phương diện giới tính trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc hay không? Thứ ba, có tồn tại sự khác biệt trên phương diện vùng miền trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc hay không? Thứ tư, giữa chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc và kết quả học tập kỹ năng viết có tồn tại mối tương quan hay không?

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Tác giả thực hiện nghiên cứu này trên cơ sở quan điểm của O'Malley và Chamot (1990) về chiến lược học tập. Theo O'Malley và Chamot, chiến lược học tập là các hoạt động tư duy hoặc là các hành vi đặc biệt giúp các cá nhân có thể hiểu rõ hơn, học hỏi và ghi nhớ thông tin mới. Chiến lược học tập có thể được chia làm ba nhóm:

Nhóm chiến lược siêu nhận thức (metacognitive strategies) là các kỹ năng điều hành bậc cao hơn, yêu cầu lập kế hoạch, giám sát và đánh giá sự thành công của một hoạt động học tập. Nhóm chiến lược này được áp dụng cho nhiều nhiệm vụ học tập khác nhau. Nhóm chiến lược này thường đề cập các chiến lược như chú ý mang tính lựa chọn, lên kế hoạch, giám sát, đánh giá.

Nhóm chiến lược nhận thức (cognitive strategies) là nhóm chiến lược tiến hành thao tác trực tiếp đối với các thông tin tiếp nhận, được vận dụng bằng cách tăng cường học tập. Nhóm chiến lược này có thể bị giới hạn trong ứng dụng đối với nhiệm vụ học tập cụ thể. Nhóm chiến lược này thường đề cập các chiến lược như lặp lại, suy đoán, tóm tắt, diễn dịch, sử dụng hình ảnh...

Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm (social/ affective strategies) là nhóm chiến lược tương đối rộng, liên quan đến sự tương tác giữa người học và người khác. Nhóm chiến lược này thường đề cập các chiến lược như hợp tác, đặt câu hỏi, độc thoại...

2.2. Thiết kế nghiên cứu

2.2.1. Đối tượng khảo sát

Nghiên cứu này được thực hiện tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (HUFLIT) vào tháng 02 năm 2023, có 219 SV năm thứ hai, ngành Ngôn ngữ Trung Quốc tham gia khảo sát. Về dân tộc, có 198 SV dân tộc Kinh, chiếm tỉ lệ 90,41%, có 21 SV các dân tộc khác, chiếm tỉ lệ 9,59%. Về giới tính, có 23 SV nam, chiếm tỉ lệ 10,50%, 196 SV nữ, chiếm tỉ lệ 89,50%. Về vùng miền, có 42 SV miền Trung, chiếm tỉ lệ 19,18%, có 177 SV miền Nam, chiếm tỉ lệ 80,82%. Về tuổi tác, SV có độ tuổi cao nhất là 26 tuổi, SV có độ tuổi thấp nhất là 19 tuổi, độ tuổi trung bình là 20 tuổi. Cơ cấu đối tượng khảo sát được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Cơ cấu đối tượng khảo sát

Chỉ tiêu	Số lượng	Tỉ lệ %	
Dân tộc	Kinh	198	90,41
	Khác	21	9,59
Giới tính	Nam	23	10,50
	Nữ	196	89,50
Vùng miền	Miền Trung	42	19,18
	Miền Nam	177	80,82
Độ tuổi trung bình		20	

2.2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, với công cụ thu thập dữ liệu là phiếu điều tra bằng bảng hỏi. Bảng hỏi được thiết kế với 30 câu hỏi, sử dụng thang đo năm bậc của Likert (bậc 1 là “hoàn toàn không sử dụng”, bậc 2 là “không sử dụng”, bậc 3 là “bình thường”, bậc 4 là “sử dụng”, bậc 5 là “luôn luôn sử dụng”). Bảng hỏi có kết cấu như Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Kết cấu bảng hỏi

Nhóm chiến lược	Các chiến lược	Câu hỏi
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Xây dựng kế hoạch	Q1, Q2
	Tự đánh giá	Q3, Q4, Q5
	Tự giám sát	Q6, Q7, Q8
	Tập trung sức chú ý	Q9
	Chú ý lựa chọn	Q10
Nhóm chiến lược nhận thức	Tiếp nhận ngôn ngữ	Q11, Q12, Q13
	Phiên dịch	Q14
	Ngữ cảnh	Q15, Q16
	Thực tiễn viết	Q17, Q18
	Mạo hiểm	Q19
	Luyện tập	Q20, Q21
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Mô phỏng	Q22, Q23, Q24
	Cảm xúc	Q25, Q26
	Hợp tác với người khác	Q27, Q28, Q29
	Đặt câu hỏi	Q30

2.2.3. Công cụ phân tích dữ liệu

Nghiên cứu này sử dụng phần mềm SPSS làm công cụ phân tích số liệu. Phần mềm SPSS được sử dụng để thống kê mô tả cơ cấu đối tượng khảo sát, tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết, phân tích sự khác biệt về giới tính, vùng miền trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết, phân tích mối tương quan giữa kết quả học tập và tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết.

2.3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.3.1. Tình hình chung

Tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV như sau (xem Bảng 3):

Bảng 3. Tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết

Nhóm chiến lược	Mean	SD
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	3,74	0,81
Nhóm chiến lược nhận thức	3,63	0,82
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	3,74	0,90
Tổng thể	3,70	0,81

Theo Bảng 3, về mặt tổng thể, SV có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc ở mức độ cao, về từng nhóm chiến lược học tập SV cũng có tần suất sử dụng ở mức độ cao. Điều này cho thấy SV sử dụng rất tốt các chiến lược trong việc học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc.

Kết quả so sánh đa tầng về tần suất sử dụng các nhóm chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc như sau (xem Bảng 4):

Bảng 4. So sánh đa tầng tần suất sử dụng các nhóm chiến lược học tập kỹ năng viết

	Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nhóm chiến lược nhận thức	Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	-----	t = 4,28 p = 0,00	t = 0,00 p = 1,00
Nhóm chiến lược nhận thức		-----	t = -3,78 p = 0,00
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm			-----

Bảng 4 cho thấy tần suất sử dụng giữa nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược nhận thức tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa ($t = 4,28, p < 0,05$), tần suất sử dụng giữa nhóm chiến lược nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm cũng tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa ($t = -3,78, p < 0,05$), song không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm ($t = 0,00, p > 0,05$). Qua đó cho thấy, SV thường xuyên sử dụng nhất là nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược xã hội - tình cảm, ít sử dụng nhóm chiến lược nhận thức.

Trong nhóm chiến lược siêu nhận thức, tần suất sử dụng của các chiến lược từ cao xuống thấp lần lượt là: các chiến lược chú ý lựa chọn (Mean = 3,90, SD = 0,96), các chiến lược tự giám sát (Mean = 3,83, SD = 0,87), các chiến lược xây dựng kế hoạch (Mean = 3,81, SD = 0,97), các chiến lược tập trung sức chú ý (Mean = 3,76, SD = 0,99), các chiến lược tự giám sát (Mean = 3,53, SD = 0,92).

Trong nhóm chiến lược nhận thức, tần suất sử dụng của các chiến lược từ cao xuống thấp lần lượt là: các chiến lược phiên dịch (Mean = 3,86, SD = 1,06), các chiến lược tiếp nhận ngôn ngữ (Mean = 3,81, SD = 0,92), các chiến lược ngữ cảnh (Mean = 3,67, SD = 0,93), các chiến lược mô phỏng (Mean = 3,63, SD = 0,91), các chiến lược mạo hiểm (Mean = 3,63, SD = 1,04), các chiến lược luyện tập (Mean = 3,54, SD = 1,01), các chiến lược thực tiễn viết (Mean = 3,31, SD = 0,98).

Trong nhóm chiến lược xã hội - tình cảm, tần suất sử dụng của các chiến lược từ cao xuống thấp lần lượt là: các chiến lược đặt câu hỏi (Mean = 3,84, SD = 1,00), các chiến lược cảm xúc (Mean = 3,81, SD = 0,94), các chiến lược hợp tác với người khác (Mean = 3,65, SD = 0,97).

Có thể thấy rằng, ngoại trừ các chiến lược thực tiễn viết có tần suất sử dụng ở mức độ trung bình, các chiến lược học tập kỹ năng viết khác đều có tần suất sử dụng ở mức độ cao.

Điều này cho thấy SV không giỏi trong việc chủ động tìm kiếm, tạo cơ hội để thực hiện hoạt động viết tiếng Trung Quốc, cũng không chủ động tham gia các cuộc thi có liên quan đến viết văn tiếng Trung Quốc.

2.3.2. Sự khác biệt trên phương diện giới tính

Trong số 219 SV tham gia khảo sát, có 23 SV nam (chiếm tỉ lệ 10,5%) và 196 SV nữ (chiếm tỉ lệ 89,5%). Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV nam và SV nữ như sau (xem Bảng 5):

Bảng 5. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết theo giới tính

Nhóm chiến lược	Giới tính	Mean	SD	t	p
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nam	3,89	0,88	0,95	0,34
	Nữ	3,72	0,80		
Nhóm chiến lược nhận thức	Nam	3,89	0,91	1,59	0,11
	Nữ	3,60	0,81		
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Nam	3,89	1,00	0,88	0,38
	Nữ	3,72	0,89		
Tổng thể	Nam	3,89	0,90	1,18	0,24
	Nữ	3,68	0,80		

Bảng 5 cho thấy SV nam có tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc cao hơn SV nữ về mặt tổng thể, lần trên từng nhóm chiến lược. Tuy nhiên, kết quả kiểm định sự khác biệt lại cho thấy giữa SV nam và SV nữ không tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa về mặt tổng thể ($t = 1,18$, $p > 0,05$), cũng như về tần suất sử dụng các nhóm chiến lược siêu nhận thức ($t = 0,95$, $p > 0,05$), nhận thức ($t = 1,59$, $p > 0,05$) và xã hội - tình cảm ($t = 0,88$, $p > 0,05$). Điều này cho thấy không có sự khác biệt giới tính trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc.

Kết quả này hoàn toàn không giống với kết quả nghiên cứu của Jiang (2018) về chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Anh của học sinh cấp ba tại Trung Quốc. Theo Jiang, tồn tại sự khác biệt giới tính trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Anh của người Trung Quốc, học sinh nữ có tần suất sử dụng các chiến lược thực tiễn viết cao hơn học sinh nam. Sự khác biệt trong kết quả nghiên cứu của tác giả và nghiên cứu của Jiang có thể là vì đối tượng tham gia khảo sát của hai nghiên cứu không giống nhau. Đối tượng khảo sát của Jiang là học sinh cấp ba, là những người chưa trưởng thành, năng lực tự chủ chưa cao. Trong nghiên cứu của tác giả, đối tượng khảo sát là SV đại học - những người trưởng thành, có năng lực tự chủ nhất định. Các nghiên cứu trước đây của Luu (2020, 2021) cũng cho thấy, không có sự khác biệt giữa SV nam và SV nữ trên phương diện năng lực tự chủ và tần suất sử dụng chiến lược học tập.

Sau khi phân tích sự khác biệt giới tính trong việc sử dụng các chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc cụ thể, tác giả nhận thấy chỉ tồn tại sự khác biệt có ý nghĩa trong việc sử dụng các chiến lược thực tiễn viết trong nhóm chiến lược nhận thức ($t = 2,58$, $p <$

0,05). SV nam có tần suất sử dụng các chiến lược thực tiễn viết (Mean = 3,80, SD = 1,00) ở mức độ cao, trong khi đó SV nữ lại có tần suất sử dụng các chiến lược thực tiễn viết (Mean = 3,25, SD = 0,97) ở mức độ trung bình. Điều này cho thấy SV nam giỏi hơn SV nữ trong việc tìm kiếm, nắm bắt cơ hội viết bằng tiếng Trung Quốc, cũng như có sự chủ động hơn SV nữ trong việc tham gia các cuộc thi viết văn bằng tiếng Trung Quốc. Kết quả này khác với thực tế, SV nữ thường chủ động hơn SV nam trong các hoạt động học tập và phong trào. Điều này thể hiện rõ qua số lượng SV nữ xuất hiện trong các hoạt động có liên quan. Đây có thể là vì sự chênh lệch về tỉ lệ nam - nữ trong nghiên cứu này tương đối cao, đã ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu.

2.3.3. Sự khác biệt trên phương diện vùng miền

Trong số 219 SV tham gia khảo sát, có 42 SV miền Trung (chiếm tỉ lệ 19,2%) và 177 SV miền Nam (chiếm tỉ lệ 80,8%). Tình hình sử dụng chiến lược học tập kĩ năng viết tiếng Trung Quốc của SV miền Trung và SV miền Nam như sau (xem Bảng 6):

Bảng 6. Tình hình sử dụng chiến lược học tập kĩ năng viết theo vùng miền

Nhóm chiến lược	Vùng miền	Mean	SD	t	p
Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Miền Trung	3,68	0,88	-0,46	0,65
	Miền Nam	3,75	0,79		
Nhóm chiến lược nhận thức	Miền Trung	3,64	0,90	0,09	0,93
	Miền Nam	3,63	0,80		
Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Miền Trung	3,70	0,98	-0,26	0,79
	Miền Nam	3,74	0,88		
Tổng thể	Miền Trung	3,68	0,90	-0,22	0,83
	Miền Nam	3,71	0,79		

Bảng 6 cho thấy SV miền Nam có tần suất sử dụng chiến lược học tập kĩ năng viết tiếng Trung Quốc cao hơn SV miền Trung về mặt tổng thể và trên hai nhóm chiến lược siêu nhận thức và xã hội - tình cảm, SV miền Nam và SV miền Trung có tần suất sử dụng chiến lược học tập kĩ năng viết tiếng Trung Quốc gần bằng nhau trong nhóm chiến lược nhận thức. Tuy nhiên, kết quả kiểm định cho thấy không tồn tại sự khác biệt giữa SV miền Trung và SV miền Nam trong việc sử dụng chiến lược học tập kĩ năng viết tiếng Trung Quốc xét về mặt tổng thể ($t = -0,22, p > 0,05$) và trên các nhóm chiến lược siêu nhận thức ($t = -0,46, p > 0,05$), nhận thức ($t = 0,09, p > 0,05$), xã hội - tình cảm ($t = -0,26, p > 0,05$). Kết quả kiểm định sự khác biệt vùng miền trong các chiến lược học tập cụ thể cũng cho thấy không tồn tại sự khác biệt vùng miền trong việc sử dụng các chiến lược học tập kĩ năng viết tiếng Trung Quốc. Điều này cho thấy, không tồn tại sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược học tập kĩ năng viết tiếng Trung Quốc từ góc độ vùng miền.

Kết quả này cũng đã phần nào ủng hộ kết quả của các nghiên cứu trước đây về sự khác biệt vùng miền trong việc sử dụng chiến lược học tập ngoại ngữ của người học Việt Nam. Theo Nguyen, Trinh và Huynh (2012), SV đến từ các tỉnh, thành khác nhau tuy có sự khác

biệt về tần số sử dụng chiến lược học tập tiếng Anh, song sự khác biệt ấy không có ý nghĩa. Dù rằng tỉ lệ SV đến từ các vùng miền khác nhau có sự chênh lệch khá lớn, nhưng các nghiên cứu đều cho kết quả giống nhau, qua đó cho thấy yếu tố vùng miền không dẫn đến sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược học tập ngoại ngữ nói chung, chiến lược học tập kĩ năng viết tiếng Trung Quốc nói riêng.

2.3.4. *Mối quan hệ với kết quả học tập*

Kết quả phân tích tương quan Pearson giữa kết quả học tập học phần kĩ năng viết tiếng Trung Quốc của SV với tần suất sử dụng chiến lược học tập kĩ năng tiếng Trung Quốc như sau (xem Bảng 7):

Bảng 7. Kết quả phân tích tương quan Pearson

		Nhóm chiến lược siêu nhận thức	Nhóm chiến lược nhận thức	Nhóm chiến lược xã hội - tình cảm	Tổng thể
Kết quả học tập	Pearson Correlation	0,18	0,17	0,17	0,18
	Sig (2-tailed)	0,01	0,01	0,01	0,01

Theo Bảng 7, kết quả học tập học phần kĩ năng viết tiếng Trung Quốc của SV có mối tương quan thuận với chiến lược học tập kĩ năng viết cả về mặt tổng thể, lẫn trên từng nhóm chiến lược. Qua đó cho thấy khi tần suất sử dụng chiến lược học tập càng cao thì kết quả học tập học phần kĩ năng viết tiếng Trung Quốc của SV càng cao.

Kết quả này có phần giống với kết quả nghiên cứu của Guo (2012) về trường hợp chiến lược học tập kĩ năng viết tiếng Anh của SV Trung Quốc. Guo phát hiện, kết quả học tập kĩ năng viết tiếng Anh có mối quan hệ với tần suất sử dụng nhóm chiến lược siêu nhận thức và nhóm chiến lược nhận thức, không có mối quan hệ với tần suất sử dụng nhóm chiến lược xã hội - tình cảm. Nói cách khác, nhóm chiến lược xã hội - tình cảm có tác động đến kết quả học tập kĩ năng viết tiếng Trung Quốc của SV Việt Nam, song không tác động đến kết quả học tập kĩ năng viết tiếng Anh của SV Trung Quốc. Đây có thể là vì, SV Trung Quốc đã được học tiếng Anh từ giai đoạn phổ thông, những kinh nghiệm của bạn bè, thầy cô không giúp họ đạt được hiệu quả cao trong học tập kĩ năng viết ở bậc đại học; ngược lại, SV Việt Nam chỉ mới bắt đầu học tiếng Trung Quốc từ khi bước chân vào giảng đường đại học, những kinh nghiệm từ thầy cô, bạn bè sẽ giúp họ trang bị thêm kiến thức, giúp SV vượt qua được những khó khăn gặp phải trong quá trình học tập kĩ năng viết, từ đó có được kết quả học tập kĩ năng viết tốt hơn.

Khi xem xét mối tương quan giữa kết quả học tập và các chiến lược học tập cụ thể, tác giả phát hiện tồn tại mối tương quan thuận giữa kết quả học tập và một số chiến lược. Cụ thể như sau:

Trong nhóm chiến lược siêu nhận thức, tồn tại mối tương quan thuận giữa kết quả học tập với các chiến lược xây dựng kế hoạch ($r = 0,18, p < 0,05$), các chiến lược tự giám sát ($r = 0,18, p < 0,05$), các chiến lược chú ý lựa chọn ($r = 0,22, p < 0,05$). Có thể thấy rằng, những

SV có kết quả cao trong học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc là những SV có kế hoạch và mục tiêu cải thiện trình độ viết tiếng Trung Quốc của bản thân, chú ý đến tính chính xác về ngữ pháp và từ vựng của bài viết, dành thời gian để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết sau khi viết xong. Điều này cũng không khó hiểu, người có mục tiêu, có kế hoạch sẽ có định hướng cụ thể trong hành động của bản thân, kết quả đạt được sẽ tốt hơn người không có mục tiêu, không có kế hoạch. Việc chú ý tính chính xác về mặt từ vựng và ngữ pháp, cùng với việc chỉnh sửa sau khi viết đã giúp bài viết của SV có tính hoàn thiện cao hơn, mang lại kết quả tốt hơn.

Trong nhóm chiến lược nhận thức, tồn tại mối tương quan thuận giữa kết quả học tập với các chiến lược tiếp nhận ngôn ngữ ($r = 0,24, p < 0,05$), các chiến lược mạo hiểm ($r = 0,17, p < 0,05$), các chiến lược luyện tập ($r = 0,15, p < 0,05$), các chiến lược mô phỏng ($r = 0,20, p < 0,05$). Có thể thấy rằng, những SV có kết quả cao trong học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc là những SV thường xuyên tham khảo, học hỏi từ văn mẫu, sách báo, tạp chí, tiểu thuyết, các bài viết có chủ đề tương tự..., ghi chép lại các cách biểu đạt, các cách dùng từ và thường xuyên luyện tập. Điều này cũng rất dễ hiểu, việc thường xuyên tiếp nhận ngôn ngữ từ người bản ngữ, giúp SV hình thành ngữ cảm trong tiếng Trung Quốc, từ đó nâng cao tính chính xác trong việc dùng từ cũng như ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Ngoài ra, việc ghi chép lại các cách biểu đạt và thường xuyên luyện viết tiếng Trung Quốc giúp SV thu được nhiều kinh nghiệm về viết tiếng Trung Quốc, góp phần nâng cao kỹ năng viết của bản thân.

Trong nhóm chiến lược xã hội - tình cảm, tồn tại mối tương quan thuận giữa kết quả học tập với các chiến lược cảm xúc ($r = 0,15, p < 0,05$), các chiến lược hợp tác với người khác ($r = 0,15, p < 0,05$), các chiến lược đặt câu hỏi ($r = 0,20, p < 0,05$). Có thể thấy rằng những SV có kết quả cao trong học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc là những SV chủ động học hỏi từ thầy cô, bạn bè về phương pháp học tập và kinh nghiệm viết tiếng Trung Quốc, tích cực sử dụng tiếng Trung Quốc trong các giao tiếp bằng văn bản. Điều này cũng không khó hiểu, kinh nghiệm của người đi trước là những kiến thức quý báu cho người đi sau, giúp họ tránh phải đi đường vòng, nhanh chóng đạt được kết quả tốt hơn. Việc chủ động sử dụng tiếng Trung Quốc trong các giao tiếp bằng văn bản với thầy cô, bạn bè cũng góp phần nâng cao kỹ năng viết của bản thân SV. Chính vì vậy, kết quả học tập kỹ năng viết không ngừng nâng cao.

3. Kết luận và khuyến nghị

Chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc là các phương pháp, kỹ thuật mà người học tiếng Trung Quốc sử dụng trong quá trình học tập kỹ năng viết, nhằm mục đích nâng cao kỹ năng này của bản thân. Kết quả nghiên cứu cho thấy tần suất sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV ở mức độ cao cả về mặt tổng thể, lẫn trên từng nhóm chiến lược siêu nhận thức, nhận thức và xã hội - tình cảm. Về phương diện giới tính, tồn tại sự khác biệt giữa SV nam và SV nữ trong việc sử dụng các chiến lược thực tiễn viết,

SV nam có tần suất sử dụng các chiến lược này cao hơn SV nữ. Về phương diện vùng miền, không tồn tại sự khác biệt trong việc sử dụng chiến lược học tập kỹ năng viết giữa SV miền Trung và SV miền Nam. Về môi trường quan với kết quả học tập, tần suất sử dụng các chiến lược xây dựng kế hoạch, tự giám sát, chú ý lựa chọn trong nhóm chiến lược siêu nhận thức, các chiến lược tiếp nhận ngôn ngữ, mạo hiểm, luyện tập, mô phỏng trong nhóm chiến lược nhận thức, các chiến lược cảm xúc, hợp tác với người khác, đặt câu hỏi trong nhóm chiến lược xã hội - tình cảm có môi trường quan có ý nghĩa với kết quả học tập kỹ năng viết tiếng Trung Quốc của SV.

Trên cơ sở các kết quả nghiên cứu đạt được, bài viết đưa ra một số khuyến nghị sau: Thứ nhất, SV cần thiết lập mục tiêu và kế hoạch học tập, nâng cao kỹ năng viết tiếng Trung Quốc, từng bước thực hiện các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra, đảm bảo tính chính xác về mặt từ vựng và ngữ pháp trong từng câu văn, hình thành thói quen kiểm tra, chỉnh sửa sau khi đã viết xong bài; Thứ hai, SV cần rèn luyện thói quen đọc các tài liệu tiếng Trung Quốc (như bài văn mẫu, sách báo, tạp chí, tiểu thuyết...), qua đó gia tăng vốn từ vựng, tích lũy các cách thức biểu đạt của người Trung Quốc, đồng thời chủ động mô phỏng, luyện tập và vận dụng từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp mới học, góp phần phong phú hơn bài viết và tiệm cận với cách hành văn của người bản ngữ Trung Quốc; Thứ ba, SV cần chủ động trao đổi và học hỏi kinh nghiệm từ giảng viên và bạn học khi gặp các khó khăn trong học tập kỹ năng viết, đồng thời không ngừng cố vũ bản thân khi thực hiện một nhiệm vụ viết tiếng Trung Quốc.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ding, Y. (2018). A comparative study on writing learning strategies of overseas students in Chinese and Non-Chinese Character Circles (Master's Thesis, Nanjing Normal University).
- Feng, S. (2020). Investigation and analysis of middle-level Chinese writing strategies of Thai overseas students. *Education Teaching Forum*, (7), 378-380.
- Guo, R. J. (2012). An investigation and analysis on learning strategy used in writings by English Majors. *Testing and Evaluation (College English Teaching & Research)*, 56(1), 15-18.
- Jiang, W. (2018). A study on gender differences of learning strategies in English writing of senior high school students (Master's Thesis, Chongqing Normal University).
- Luu, H. V. (2019a). A study on learning strategies of Chinese as a second foreign language for English majors. *Proceedings of the 2019 National Linguistics Conference "Vietnamese language in the context of exchange, integration and development"* (pp. 1017-1024). Dan Tri Publisher.
- Luu, H. V. (2019b). A research on Chinese listening learning strategies of Vietnamese students. *Ho Chi Minh City Journal of Social Sciences*, (8), 59-68.

- Luu, H. V. (2020). A study of Chinese language learning strategies of Chinese language students in Vietnam. *Proceedings of the National Scientific Conference 2020 "Research and teaching foreign languages, languages and international studies in Vietnam"* (pp. 687-695). Hanoi: Vietnam National University Press.
- Luu, H. V. (2021). A study on autonomous learning ability of Chinese language majors in Ho Chi Minh City University of Education. *VNU Journal of Foreign Studies*, 37(5), 123-134.
- Nguyen, T. D., Trinh, H. T., & Huynh, M. T. (2012). Regional differences in language learning strategy use of non-English major students at Can Tho University. *Can Tho University Journal of Science*, (24b), 77-83.
- O'Malley, J. M., & Chamot, A. U. (1990). *Learning strategies in second language acquisition*. Cambridge University Press.
- Petric, B., & Czarl, B. (2003). Validating a writing strategy questionnaire. *System*, (31), 187-215.
- Wu, J. (2012). A research on Chinese writing strategies of foreign preparatory students in China. *TCSOL Studies*, (2), 47-55.
- Yin, P. B., & Yan, L. P. (2011). The research and analysis on writing strategies - Taking overseas students from the Middle-Asia as examples. *Journal of Xinjiang Vocational University*, 19(2), 59-62.

A STUDY ON CHINESE WRITING LEARNING STRATEGIES OF VIETNAMESE STUDENTS: A CASE STUDY OF HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGES AND INFORMATION TECHNOLOGY

Luu Hon Vu

Ho Chi Minh University of Banking, Vietnam

Corresponding author: Luu Hon Vu – Email: luuhonvu@gmail.com

Received: March 22, 2023; Revised: March 27, 2023; Accepted: May 24, 2023

ABSTRACT

Based on O' Malley and Chamot (1990)'s view about learning strategies, this article surveyed Vietnamese students on strategies for learning Chinese writing skills. A total of 219 students at Ho Chi Minh City University of Foreign Languages and Information Technology answered the survey. The results show that students frequently used strategies for learning writing skills, including a high frequency of using metacognitive, cognitive, and social/ affective strategies. There was only a difference between male and female students in the use of writing strategies. There was no difference between students in the Central region and the ones in South regions in using writing learning strategies. Learning outcomes for writing are associated with the use of planning strategies, self-monitoring, selective attention in the metacognitive strategies, language acquisition strategies, taking risks, practicing practice, simulation in the cognitive strategies, and emotional strategies, cooperating with others, asking questions in the social/ affective strategies.

Keywords: Chinese; learning strategies; Vietnamese students; writing skills

PHỤ LỤC
BẢNG KHẢO SÁT CHIẾN LƯỢC HỌC TẬP KĨ NĂNG VIẾT TIẾNG TRUNG QUỐC

Mã câu hỏi	Nội dung
Q1	Tôi có những yêu cầu rõ ràng để cải thiện trình độ viết tiếng Trung Quốc của mình
Q2	Ngoài việc hoàn thành bài tập về nhà do giảng viên giao, tôi có kế hoạch viết tiếng Trung Quốc của riêng mình
Q3	Tôi đánh giá tiến độ viết tiếng Trung Quốc của mình để tìm ra những điểm yếu và biện pháp cải thiện
Q4	Tôi thường đánh giá hiệu quả của bài viết tiếng Trung Quốc của mình và tóm tắt các phương pháp viết tiếng Trung Quốc
Q5	Tôi sẽ tự chấm điểm sau khi viết xong
Q6	Tôi sẽ điều chỉnh kế hoạch viết tùy theo tình hình
Q7	Khi viết, tôi sẽ chú ý đến trình tự cấu trúc của bài viết, tính chính xác của ngữ pháp và từ vựng
Q8	Sau khi viết xong, tôi sẽ tự sửa lại
Q9	Khi viết, tôi tập trung vào chủ đề bài viết và bỏ qua những thông tin không liên quan khác
Q10	Khi viết bằng tiếng Trung Quốc, tôi cố gắng diễn đạt ý nghĩa của từng câu một cách rõ ràng
Q11	Tôi tích cực xem phim và truyền hình tiếng Trung Quốc, báo, tạp chí hoặc tiểu thuyết tiếng Trung Quốc sau giờ học
Q12	Trong thời gian tự học, tôi sẽ đọc đi đọc lại các bài đọc tiếng Trung Quốc
Q13	Tôi sẽ tiếp tục mở rộng kho văn mẫu tiếng Trung Quốc của mình
Q14	Khi viết, tôi sẽ sắp xếp suy nghĩ của mình bằng tiếng Việt trước, sau đó dịch sang tiếng Trung Quốc
Q15	Tôi sẽ liệt kê dàn bài để xây dựng khung logic tổng thể của bài viết
Q16	Tôi chỉ có thể nghĩ một chút trong đầu dàn ý bài viết, sau đó vừa viết vừa suy nghĩ
Q17	Tôi rất giỏi trong việc tạo ra và nắm bắt cơ hội để viết tiếng Trung Quốc
Q18	Tôi sẽ chủ động tham gia cuộc thi có liên quan đến viết văn tiếng Trung Quốc do trường tổ chức
Q19	Khi viết, tôi cố gắng sử dụng những từ mới, cụm từ hoặc mẫu câu mà tôi chưa từng sử dụng trước đây
Q20	Tôi chủ động ghi chú, viết thư hoặc viết nhật ký bằng tiếng Trung Quốc
Q21	Tôi sẽ thường xuyên luyện viết tiếng Trung Quốc một cách có ý thức
Q22	Tôi sẽ tìm một bài báo có chủ đề tương tự hoặc lĩnh vực liên quan để nghiên cứu so sánh
Q23	Khi tôi viết, tôi sẽ nhớ lại và bắt chước những bài văn mẫu mà tôi đã đọc
Q24	Tôi sẽ tham khảo cách SV Trung Quốc triển khai viết các chủ đề tương tự
Q25	Nếu tôi cảm thấy lo lắng khi viết, tôi sẽ hít thở sâu hoặc các phương pháp khác để giảm bớt lo lắng
Q26	Thông qua tự cổ vũ bản thân, tôi cố gắng phát huy hết khả năng viết tiếng Trung Quốc của mình ở mức tốt nhất
Q27	Tôi thường trao đổi kinh nghiệm viết tiếng Trung Quốc với giảng viên và bạn học
Q28	Tôi sẽ giao tiếp với các bạn cùng lớp để mở rộng chiều rộng và chiều sâu của suy nghĩ và học hỏi lẫn nhau
Q29	Tôi sẽ tích cực sử dụng tiếng Trung Quốc để giao tiếp bằng văn bản với người khác trong cuộc sống hàng ngày
Q30	Tôi sẽ chủ động hỏi giảng viên và các bạn cùng lớp khi gặp vấn đề mà tôi không hiểu trong khi viết